TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **56**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2019
"*V/v ly hôn và nuôi con*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Phạm Hoàng Vũ.

2. Bà Võ Thị Thúy An.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Võ Trung L**,** sinh năm: 1986; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B huyện C, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Võ Trung L trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh L và chị C chung sống năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình không hạnh phúc; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn không thể chung sống với nhau được nữa nên anh L xin ly hôn với chị C.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Võ Trung K, giới tính nam, sinh ngày 23/8/2006; con hiện đang sống chung với chị C. Nay ly hôn anh L đồng ý giao con cho chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Thị C để chị trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh L cũng như tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị C không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị C là đúng quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh L được ly hôn với chị C. Về con chung, đề nghị giao Võ Trung K, giới tính nam, sinh ngày 23/8/2006 cho chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của chị C không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử

áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị C.

Nguyên đơn anh L yêu cầu ly hôn với bị đơn chị C và có yêu cầu nuôi con chung và chị Nguyễn Thị C là bị đơn hiện đang cư trú tại Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**2**] *Nội dung vụ án*:

[**2.1**] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị C và anh L xác lập quan hệ hôn nhân năm 2006, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vĩnh Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, tự anh chị và gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắn và anh chị đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay anh L cương quyết yêu cầu ly hôn nhưng chị C không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có văn bản thể hiện ý kiến gì để Tòa án xem xét, cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đươc. Do đó áp dụng Điều 56 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho anh L được ly hôn với chị C.

[**2.2**] *Về con chung*: Theo lời trình bày của anh L, giấy khai sinh của cháu K có cơ sở xác định trong thời gian chung sống, anh L và chị C có 01 người con chung tên Võ Trung K, giới tính nam, sinh ngày 23/8/2006; hiện con đang sống chung với chị C, anh L đồng ý tiếp tục giao con cho chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị C là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con được đảm bảo, bà M là mẹ chị C trình bày chị C có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con, điều này được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 *(quy định về việc trông*

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn) của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu Võ Trung K, giới tính nam, sinh ngày 23/8/2006 cho chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Võ Trung K. Anh L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[**2.3**] *Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn*: Chị C không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**2.4**] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh L xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung. Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**3**] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn anh Võ Trung L chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - *Về hôn nhân*: Anh Võ Trung L được ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

2 - *Về con chung*: Giao cháu Võ Trung K, giới tính nam, sinh ngày 23/8/2006 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng (cháu K hiện đang chung sống với chị C), anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật)*.

3 - *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - *Án phí ly hôn sơ thẩm*: Anh Võ Trung L chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000082 ngày 12/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

5 - Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/10/2019); bị đơn chị Nguyễn Thị C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Mỹ Vinh
(Đã ký)